TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2023/DS-ST
Ngày: 29/92023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Bà Trần Thị Thu Thanh

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tư - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 619/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T – sinh năm 1967

Địa chỉ: Số F đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Huỳnh Đức T1, sinh năm 1981

bà Đào Thị Thúy N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 16/9/2019 bà cho bà Đào Thị Thúy N mượn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để lo công việc gia đình với thời hạn vay: trong thời hạn

30 ngày sẽ trả hết số tiền đã mượn trên và có viết giấy mượn cho bà; Ngày 24/02/2020 vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N có vay tiếp của bà số tiền 150.000.000 đồng và hai bên đã làm hợp đồng cho vay tiền tại Văn phòng C; địa chỉ: số C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; thời hạn vay: 05 tháng, kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận; lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Tổng số tiền ông T1 bà N đã mượn của bà là 180.000.000đ (một trăm trám mươi triệu đồng). Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền bà T đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông T1 bà N vẫn không trả tiền cho bà. Do đó bà T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); vợ chồng ông T1 bà N phải liên đới trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án, yêu cầu vợ chồng ông T1 bà N có mặt tại Tòa để làm việc nhưng ông T1 bà N vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; Điều 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Toà án xét xử vắng mặt ông T1 bà N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt không có lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 30.000.000 đồng.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, buộc vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị T với vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N, tuy nhiên ông ông T1 bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 bà N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2.1] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 24/02/2020 bà Lê Thị T và vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N có giao kết hợp đồng dân sự, cụ thể bà T cho vợ chồng ông T1 bà N vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Lê Thị T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc Hợp đồng cho vay tiền được công chứng tại Văn phòng C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/02/2020 có số công chứng 002217, quyển số: 02-TP/CC-SCC/HĐGD; ông T1 bà N ký tại thời điểm ngày 24/02/2020 nội dung của hợp đồng hai bên có thỏa thuận thời hạn trả tiền và lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Do ông T1 bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng ông T1 bà N trả cho bà số tiền

150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông T1 bà N nhưng vợ chông ông T1 bà N vẫn không có mặt tại Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả một phần hay toàn bộ số tiền vay. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên toà về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông T1 bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bà Đào Thị Thúy N phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N phải liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Huỳnh Đức T1 bà Đào Thị Thúy N phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho bà Lê Thị T 5.135.000 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001785 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Long Nhiên